

Số: /GPMT-SNNMT

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**(Cấp điều chỉnh lần 01)**

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh;*

*Căn cứ Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn về thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Tây Ninh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;*

*Căn cứ Giấy phép môi trường số 8173/GPMT-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2024 của UBND huyện Đức Hòa cấp cho Công ty TNHH Nông Việt Đức;*

*Xét Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường số 01/CV/2025/GPMT/2025 của Công ty TNHH Nông Việt Đức ngày 20 tháng 12 năm 2025;*

*Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Môi trường và Biến đổi khí hậu tại Tờ trình số 43/TTr-MTBĐKH ngày 10 tháng 01 năm 2026.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số 8173/GPMT-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2024 (*sau đây viết tắt là Giấy phép môi trường số 8173/GPMT-UBND*) của Công ty TNHH Nông Việt Đức, có địa chỉ tại Lô H1, đường số 4, Khu công nghiệp Hải Sơn (giai đoạn 3+4), xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (*nay là Lô H1, đường số 4, Khu công nghiệp Hải Sơn (giai đoạn 3+4), xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh*), chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 01) này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 8173/GPMT-UBND.

**Điều 2.** Công ty TNHH Nông Việt Đức tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 8173/GPMT-UBND và các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 01) này.

**Điều 3.** Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 01) này có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi Giấy phép môi trường số 8173/GPMT-UBND hết hiệu lực./.

### **Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Ban Quản lý khu kinh tế;
- UBND xã Đức Hòa;
- Công ty TNHH Nông Việt Đức;
- Công ty TNHH Hải Sơn;
- Trang thông tin điện tử của Sở NNMT;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Phòng Pháp chế - Chính sách;
- Lưu: VT, MTBĐKH.

**GIÁM ĐỐC**

**Võ Minh Thành**

**Phụ lục**  
**NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNNMT  
ngày tháng năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

**1. Điều chỉnh một số nội dung tại Điều 1 Giấy phép môi trường số 8173/GPMT-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2024**

<b>Theo GPMT số 8173/GPMT-UBND</b>	<b>Nội dung điều chỉnh</b>
<b>1. Tên dự án đầu tư</b>	
Nhà máy phối trộn và đóng gói phân bón - công suất 170 tấn sản phẩm/năm (phân bón vô cơ - công suất 90 tấn sản phẩm/năm; phân bón hữu cơ - công suất 20 tấn sản phẩm/năm; phân bón sinh học - công suất 20 tấn sản phẩm/năm và đóng gói phân bón - công suất 40 tấn sản phẩm/năm)	Nhà máy phối trộn và đóng gói phân bón
<b>- Địa chỉ trụ sở chính</b>	
Số 20 Dương Thiệu Tước, phường Tân Quý, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	Số 20 Dương Thiệu Tước, Khu phố 21, phường Tân Sơn Nhì, thành phố Hồ Chí Minh
<b>- Địa điểm hoạt động</b>	
Lô H1, đường số 4, Khu công nghiệp Hải Sơn (giai đoạn 3+4), xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	Lô H1, đường số 4, Khu công nghiệp Hải Sơn (giai đoạn 3+4), xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh

**2. Điều chỉnh nội dung tại Mục 1.6.3 Điều 1 Giấy phép môi trường số 8173/GPMT-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2024**

<b>Theo GPMT số 8173/GPMT-UBND</b>	<b>Nội dung điều chỉnh</b>
<b>1.6.3. Quy trình công nghệ sản xuất</b>	
- Quy trình phối trộn phân bón dạng hạt các loại: Nguyên liệu → Định lượng → Phối trộn → Đóng gói → Thành phẩm. - Quy trình phối trộn phân bón dạng bột các loại: Nguyên liệu → Định lượng →	- Quy trình phối trộn phân bón dạng bột các loại: Nguyên liệu → Định lượng → Nghiền (nếu có) → Phối trộn → Đóng gói → Thành phẩm. - Quy trình phối trộn phân bón dạng lỏng các loại: Nguyên liệu + nước pha chế →

<p>Nghiền (nếu có) → Phôi trộn → Đóng gói → Thành phẩm.</p> <p>- Quy trình phối trộn phân bón dạng lỏng các loại: Nguyên liệu + nước pha chế → Bồn phối liệu → Máy chiết → Sang chai, đóng gói → Thành phẩm.</p> <p>- Quy trình đóng gói phân bón các loại: Thành phẩm → Bồn nhập liệu → KCS kiểm tra → Cân, đóng gói thành phẩm → Thành phẩm.</p>	<p>Bồn phối liệu → Chiết rót → Sang chai, đóng gói → Thành phẩm.</p> <p>- Quy trình đóng gói phân bón các loại: Thành phẩm → Bồn nhập liệu → KCS kiểm tra → Cân, đóng gói thành phẩm → Thành phẩm.</p>
--	--

**3. Điều chỉnh nội dung tại Mục 1.6.4 Điều 1 Giấy phép môi trường số 8173/GPMT-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2024**

Theo GPMT số 8173/GPMT-UBND	Nội dung điều chỉnh
<b>1.6.4. Công suất sản xuất</b>	
<p>Phôi trộn và đóng gói phân bón: công suất 170 tấn sản phẩm/năm, trong đó:</p> <p>- Phân bón vô cơ: 90 tấn sản phẩm/năm.</p> <p>- Phân bón hữu cơ: 20 tấn sản phẩm/năm.</p> <p>- Phân bón sinh học: 20 tấn sản phẩm/năm.</p> <p>- Đóng gói phân bón: 40 tấn sản phẩm/năm.</p>	<p>Phôi trộn và đóng gói phân bón: công suất 219 tấn sản phẩm/năm, trong đó:</p> <p>- Phân bón vô cơ: 166 tấn sản phẩm/năm.</p> <p>- Phân bón hữu cơ: 23 tấn sản phẩm/năm.</p> <p>- Phân bón sinh học: 10 tấn sản phẩm/năm.</p> <p>- Đóng gói phân bón: 20 tấn sản phẩm/năm.</p>

**4. Điều chỉnh nội dung tại Mục 1 Phần A Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép môi trường số 8173/GPMT-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2024**

Theo GPMT số 8173/GPMT-UBND	Nội dung điều chỉnh
<b>1. Nguồn phát sinh khí thải</b>	
<p>- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn nhập liệu, nghiền, đóng gói từ quá trình phối trộn phân bón dạng bột.</p> <p>- Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh tại công đoạn nhập liệu, đóng gói từ quá trình phối trộn phân bón dạng lỏng.</p>	<p>- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh tại công đoạn nhập liệu, nghiền, đóng gói của quá trình phối trộn phân bón dạng bột.</p> <p>- Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh tại công đoạn nhập liệu, đóng gói của quá trình phối trộn phân bón dạng lỏng.</p> <p>Bụi, khí thải phát sinh từ quy trình đóng gói sản phẩm phân bón các loại (dạng bột,</p>

dạng hạt) được thu gom chung công đoạn đóng gói của nguồn số 01 và 02.

**5. Điều chỉnh một số nội dung tại Mục 2 Phần A Phụ lục 2 của Giấy phép môi trường số 8173/GPMT-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2024**

Theo GPMT số 8173/GPMT-UBND	Nội dung điều chỉnh
<b>2.1. Vị trí xả khí thải</b>	
- Dòng khí thải: tương ứng với ống phát thải của hệ thống xử lý (nguồn số 01 và số 02), với tọa độ vị trí xả khí thải là: X = 1191946; Y = 0577915 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°).	- Dòng khí thải: tương ứng với ống phát thải của hệ thống xử lý bụi, khí thải (nguồn số 01 và số 02) với tọa độ xả khí thải: X= 1191940; Y= 0577911 (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°).
<b>2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất</b>	
Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 6.000 m <sup>3</sup> /giờ.	Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 5.400 m <sup>3</sup> /giờ.

**6. Điều chỉnh nội dung tại Mục 1.2 Phần B Phụ lục 2 Giấy phép môi trường số 8173/GPMT-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2024**

Theo GPMT số 8173/GPMT-UBND	Nội dung điều chỉnh
<b>1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải</b>	
- Quy trình công nghệ: Bụi, khí thải phát sinh → chụp hút + ống dẫn → thiết bị hấp thụ nước → quạt hút → ống phát thải (chiều cao H=13m; đường kính D=0,35m) → thải ra môi trường.	- Quy trình công nghệ: Bụi, khí thải (nguồn số 01, 02) → chụp hút + ống dẫn → thiết bị hấp thụ (dung dịch NaOH) → quạt hút → ống phát thải (chiều cao H=13m, đường kính D=0,35m) → thải ra môi trường.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này): Nước sạch.	- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này): Dung dịch NaOH.

**7. Điều chỉnh nội dung tại Mục 2 Phần B Phụ lục 2 của Giấy phép môi trường số 8173/GPMT-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2024**

Theo GPMT số 8173/GPMT-UBND	Nội dung điều chỉnh
<b>2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm</b>	

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ tháng 8/2024 đến tháng 01/2025.	2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ tháng 01/2026 đến tháng 3/2026.
2.2.1. Vị trí lấy mẫu: tại vị trí ống thải sau hệ thống xử lý khí thải từ quá trình phối trộn phân bón có tọa độ X=1191946; Y=0577915 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°).	2.2.1. Vị trí lấy mẫu: tại ống thải của hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phối trộn và đóng gói phân bón các loại, có tọa độ X=1191940; Y=0577911 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°).

**8. Điều chỉnh nội dung tại Phần A Phụ lục 3 của Giấy phép môi trường số 8173/GPMT-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2024**

Theo GPMT số 8173/GPMT-UBND	Nội dung điều chỉnh
<b>1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của dây chuyền phối trộn phân bón dạng hạt.</li> <li>- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của dây chuyền phối trộn phân bón dạng bột.</li> <li>- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của dây chuyền phối trộn phân bón dạng lỏng.</li> <li>- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của quạt hút của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình phối trộn phân bón.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của dây chuyền phối trộn phân bón dạng bột.</li> <li>- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của dây chuyền phối trộn phân bón dạng lỏng.</li> <li>- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của quạt hút của hệ thống xử lý bụi, khí thải từ quá trình phối trộn và đóng gói phân bón các loại.</li> </ul>
<b>2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn số 01: tọa độ X=1191946; Y=0577919.</li> <li>- Nguồn số 02: tọa độ X=1191952; Y=0577919.</li> <li>- Nguồn số 03: tọa độ X=1191949; Y=0577918.</li> <li>- Nguồn số 04: tọa độ X=1191945; Y=0577915.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn số 01: tọa độ X=1191952; Y=0577919.</li> <li>- Nguồn số 02: tọa độ X=1191949; Y=0577918.</li> <li>- Nguồn số 03: tọa độ X=1191940; Y=0577911.</li> </ul>

**9. Điều chỉnh nội dung tại Phần A Phụ lục 4 của Giấy phép môi trường số 8173/GPMT-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2024**

**9.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	3
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	5
<b>Tổng khối lượng</b>				<b>8</b>

**9.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát (cần áp dụng ngưỡng chất thải nguy hại (hay ngưỡng nguy hại của chất thải) theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật môi trường về ngưỡng chất thải nguy hại để phân định là chất thải nguy hại hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường)**

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng trung bình (kg/năm)
1	Chất thải có các thành phần nguy hại (nguyên liệu, thành phẩm phân bón không tái sử dụng)	Rắn/lỏng	02 10 01	7,18
2	Chất thải có các thành phần nguy hại (khác với dầu) (cặn lắng nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc thiết bị và từ HTXL khí thải)	Bùn/lỏng	19 07 02	100
3	Hộp mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực in)	Rắn	08 02 04	2
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	Rắn	18 01 03	10
5	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	Rắn	18 01 01	30
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	20
7	Nước thải từ vệ sinh nhà xưởng (khu vực phối trộn phân bón dạng lỏng)	Lỏng	19 10 01	180

<b>Tổng khối lượng</b>	<b>349,18</b>
------------------------	---------------

#### **10. Các yêu cầu và điều kiện kèm theo đối với nội dung điều chỉnh**

Công ty TNHH Nông Việt Đức tiếp tục thực hiện đúng các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục này; các nội dung khác của Giấy phép môi trường số 8173/GPMT-UBND và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.